

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 19-7-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Vinh

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Ly Thị N**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản Tịa, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: **Anh Và A N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản Tịa, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người phiên dịch cho chị Ly Thị N là: Anh Ly A Lánh. Địa chỉ: Bản Từ Sáng, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Có mặt tại phiên tòa).

Người phiên dịch cho anh Và A N là: Và A Sớ. Địa chỉ: Bản Tịa, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ly Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ly Thị N và anh Và A N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 23/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Pá Lông, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến cuối năm 2023 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nénh đánh đập và đe dọa chị Nhìa dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Ly Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Và A N.

Về con chung: Chị Ly Thị N và anh Và A N có 02 (hai) con chung là cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015. Hiện tại cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia đang ở với Và A N.

Chị Ly Thị N làm trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập. Chị Ly Thị N đề nghị giao cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia cho anh Và A N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ly Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015 mỗi tháng mỗi cháu 400.000 đồng cho đến khi cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Ly Thị N cam đoan không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Và A N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Và A N và chị Ly Thị N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 23/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Pá Lông, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Ly Thị N đi làm thuê và tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh Và A N và chị Ly Thị N đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Anh Và A N xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Và A N không nhất trí ly hôn. Anh Và A N nhất trí ly hôn chị Ly Thị N nếu chị Nhìa bồi thường cho anh Nénh số tiền 30.000.000 đồng.

Về con chung: Anh Và A N và chị Ly Thị N có 02 (hai) con chung là cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015. Hiện tại cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia đang được anh Và A N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh Và A N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dĩa.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Và A N nhất trí chị Ly Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dĩa, sinh ngày 12/9/2015 mỗi tháng mỗi cháu 400.000 đồng cho đến khi cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dĩa đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Và A N cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 21/6/2024: Tại bản Tịa, xã Pá Lông, huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Ly Thị N, anh Và A N có hộ khẩu thường trú tại bản Tịa, xã Pá Lông, huyện TC, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Pá Lông, huyện TC. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể không nắm rõ. Hiện tại chị Ly Thị N, anh Và A N đã sống ly thân, chị Nhìa bỏ về nhà bố, mẹ sống tại bản Hua Dấu, xã PL. Chị Ly Thị N và anh Và A N có 02 (hai) con chung là cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dĩa, sinh ngày 12/9/2015. Hiện tại cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dĩa đang ở với anh Và A N. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ly Thị N được ly hôn anh Và A N.

Về con chung: Giao cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015 cho anh Và A N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ly Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu cho Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015, mức cấp dưỡng 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng)/ tháng/ 1 cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Ly Thị N, anh Và A N cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ cho nguyên đơn chị Ly Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Ly Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Và A N có địa chỉ tại bản Tịa, xã Pá Lông, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ly Thị N và anh Và A N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 23/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Pá Lông, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2023 có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Ly Thị N và anh Và A N đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Nhìa cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Và A N. Anh Và A N xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Nénh không nhất trí ly hôn. Anh Và A N nhất trí ly hôn chị Ly Thị N nếu chị Nhìa bồi thường cho anh Nénh số tiền 30.000.000 đồng.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nhìa và anh Nénh lâm vào tình trạng trầm trọng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Ly Thị N được ly hôn anh Và A N. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Chị Ly Thị N và anh Và A N có 02 (hai) con chung là cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015. Hiện tại cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia ở cùng với anh Nénh.

Chị Ly Thị N và anh Và A N đều có ý kiến giao cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia cho anh Và A N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Và A N nhất trí chị Ly Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015 mỗi tháng mỗi cháu 400.000 đồng cho đến khi cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024.

Chị Nhìa, anh Nénh có nơi cư trú rõ ràng, đều có thu nhập. Chị Nhìa, anh Nénh đều có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia đều có nguyện vọng là ở với bố.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Tòa án: Chị Nhìa, anh Nénh có nơi cư trú rõ ràng, làm trồng trọt, chăn nuôi, đều có thu nhập. Chị Nhìa, anh Nénh đều có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Hiện tại cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia đang sống chung với anh Và A N.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần, cần giao cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015 cho anh Và A N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ly Thị N làm trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập bình quân mỗi tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, chị Nhìa tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015, mức cấp dưỡng 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) mỗi tháng cho mỗi cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2024 cho đến khi cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là có căn cứ cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản riêng:* Không có.

[6] *Về nợ chung:* Chị Ly Thị N, anh Và A N cam đoan không có nợ chung.

[7] *Về án phí:* Chị Ly Thị N, tại phiên tòa có ý kiến xin miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, xét thấy chị Ly Thị N là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ cho nguyên đơn chị Ly Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ly Thị N được ly hôn anh Và A N.
2. Về con chung: Giao cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015 cho anh Và A N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Ly Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Và Thị Kía, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Và Lạng Dia, sinh ngày 12/9/2015, mức cấp dưỡng 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) mỗi tháng cho mỗi cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2024 cho đến khi cháu Và Thị Kía và cháu Và Lạng Dia đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về tài sản riêng: Không có.
6. Về nợ chung: Chị Ly Thị N và anh Và A N cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ cho nguyên đơn chị Ly Thị N. Hoàn trả lại chị Ly Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001814, ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Ly Thị N, anh Và A N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã PL, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng